MÔ HÌNH XÃ HỘI HOÁ TRONG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CỦA ÚC VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

ĐỖ THỊ ÁNH HỒNG *

VÕ HIỀN ANH **

Tóm tắt: *Bài viết nghiên cứu vấn đề xã hội hoá trong giám định tư pháp thông qua việc phân tích mô hình tổ chức giám định tư pháp tại Úc và đối chiếu với pháp luật Việt Nam, trên cơ sở làm rõ khái niệm, đặc điểm của giám định tư pháp và các tiêu chí đánh giá mức độ xã hội hoá. Từ việc đối chiếu này, bài viết phân tích những ưu điểm, hạn chế của pháp luật Việt Nam hiện hành, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tính xã hội hoá như mở rộng chủ thể tham gia hoạt động giám định, thực chất hoá phạm vi lĩnh vực được xã hội hoá, tăng cường đào tạo đội ngũ giám định viên và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong cung cấp dịch vụ giám định tư pháp.*

Từ khoá: Xã hội hoá; giám định tư pháp; kinh nghiệm; Việt Nam; Úc

Nhận bài: 07/3/2026 Hoàn thành biên tập: 30/6/2026 Duyệt đăng: 30/6/2026

AUSTRALIA'S SOCIALISATION MODEL IN FORENSIC EXPERTISE AND ITS IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Abstract: *This article examines the socialisation of forensic expertise through an analysis of Australia's forensic expertise model and a comparison with Vietnamese law by clarifying the concept and characteristics of forensic expertise and the evaluation criteria of socialisation extent. Based on this comparative analysis, the article analyses the advantages and limitations of current Vietnamese law and proposes several recommendations to enhance socialisation, including expanding participating entities, broadening the scope of socialised expertise fields, increasing the training of forensic experts, and promoting a healthy competitive environment in the provision of forensic expertise services.*

Keywords: Socialisation; judicial expertise; experience; Vietnam; Australia

Received: 7 March 2026; Editing completed: 30 June 2026; Accepted for publication: 30 June 2026

DOI: *https://doi.org/10.67496/j.hlu.15832*

1. Đặt vấn đề

Giám định tư pháp (GĐTP) là một trong những hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong tố tụng, giữ vai trò là nguồn chứng cứ đặc biệt, không chỉ hỗ trợ cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ việc[1] mà còn góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân và nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp. Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chất lượng hoạt động GĐTP, trong đó nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực này. Nhiều chủ trương, chính sách quan trọng đã được ban hành như: Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 30/11/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công

*** Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội**
E-mail: doanhhong@hlu.edu.vn
**** Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội**
E-mail: anhvh_lhs@hlu.edu.vn

[1] Cục Bổ trợ tư pháp (2022), *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức về giám định tư pháp* (Ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-BTTP ngày 22/3/2022 của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp), tr. 1 - 2.

tác GĐTP và định giá tài sản; Quyết định số 2528/QĐ-BTP ngày 27/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thực hiện Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 liên quan đến lĩnh vực GĐTP... Tuy nhiên, thực tiễn tại Việt Nam cho thấy lĩnh vực giám định này vẫn còn bộc lộ không ít hạn chế, một số quy định pháp luật và chính sách liên quan chưa thực sự đồng bộ và đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thực tiễn[2]. Mặc dù chủ trương xã hội hoá đã được ghi nhận trong Luật GĐTP năm 2025 song còn thiếu các quy định hướng dẫn cụ thể.

Do đó, việc nghiên cứu về xã hội hoá trong GĐTP không chỉ có ý nghĩa lí luận mà còn mang tính thực tiễn cao, góp phần hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành trong thời gian tới. Để tìm kiếm các giải pháp phù hợp cho Việt Nam, bài viết lựa chọn nghiên cứu kinh nghiệm của Úc. Khác với một số quốc gia phát triển như Đức, Nhật Bản hay Anh[3], mô hình GĐTP của Úc tạo ra sự cân bằng giữa việc huy động nguồn lực xã hội, không thiên về sự chi phối của khu vực công nhưng cũng không đẩy mạnh tư nhân hoá. Vì vậy, kinh nghiệm của Úc có giá trị tham khảo đáng kể đối với Việt Nam trong quá trình thúc đẩy xã hội hoá GĐTP.

Trong phạm vi bài viết này, vấn đề xã hội hoá trong GĐTP được tiếp cận thông qua việc phân tích kinh nghiệm của Úc và đối chiếu với thực tiễn tại Việt Nam, từ đó làm rõ những vướng mắc trong quy định pháp luật và đề xuất một số kiến nghị phù hợp. Để thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu trên, bài viết sử dụng phương pháp phân tích-tổng hợp, phương pháp hệ thống và phương pháp so sánh luật học nhằm làm rõ cũng như đối chiếu mô hình xã hội hoá trong GĐTP của Úc với thực tiễn tại nước ta, từ đó rút ra những giá trị tham khảo phục vụ quá trình hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

2. Nhận thức chung về xã hội hoá trong giám định tư pháp

2.1. Khái niệm và đặc điểm của xã hội hoá trong giám định tư pháp

Trên thế giới, xã hội hoá (socialization) được hiểu theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Trong tâm lí học và xã hội học, thuật ngữ này thường được dùng để chỉ quá trình cá nhân tiếp thu, lĩnh hội và nội tâm hoá các giá trị, chuẩn mực và phương thức hành xử được xã hội thừa nhận. Quá trình này giúp cá nhân hình thành ý thức về "cái tôi" (self) và phát triển năng lực tự điều chỉnh để thích ứng với các chuẩn mực văn hoá cơ bản[4]. Ở bình diện rộng hơn, khái niệm xã hội hoá có thể được tiếp cận không chỉ ở phương diện cá nhân mà còn ở phương diện tổ chức đời sống xã hội, trong đó nhấn mạnh sự tham gia của các chủ thể vào các hoạt động có ý nghĩa

[2] Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 30/11/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giám định tư pháp và định giá tài sản.

[3] Khác với sự tập trung vào các viện pháp y thuộc các đại học, trung tâm kĩ thuật hình sự tại cơ quan cảnh sát các cấp của Đức hay các cơ quan nghiên cứu quốc gia tại Nhật Bản, Úc kết hợp hiệu quả giữa khu vực công và tư trong mô hình tổ chức GĐTP. Đồng thời, so với mô hình tư nhân hoá mạnh mẽ của Anh vốn gặp bất cập về chi phí và quản lí dữ liệu, mô hình của Úc giữ được sự cân bằng. Xem: Tạ Đình Tuyên (2019), "Mô hình tổ chức giám định tư pháp ở một số quốc gia trên thế giới", *Tạp chí Toà án nhân dân điện tử,* https://tapchitoaan.vn/mo-hinh-to-chuc-giam-dinh-tu-phap-o-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi, truy cập 03/6/2026.

[4] Harrison G. Gough (1994), "Theory, Development, and Interpretation of the CPI Socialization Scale", *Psychological Reports,* 75 (Monograph Supplement 1-V75), tr. 651 - 652.

chung, qua đó huy động và phát huy các nguồn lực xã hội phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng[5].

Khái niệm xã hội hoá được hiểu theo nhiều cách tiếp cận khác nhau song nhìn chung đều hướng đến việc mở rộng sự tham gia của các chủ thể trong xã hội vào những hoạt động có ý nghĩa công cộng. Theo đó, Nhà nước không nhất thiết trực tiếp thực hiện toàn bộ các hoạt động phục vụ xã hội mà có thể thông qua các cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng dịch vụ công và thực hiện các nhiệm vụ xã hội. Bản chất của quá trình này là phát huy nguồn lực của toàn xã hội, nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công, đồng thời vẫn bảo đảm vai trò quản lí, định hướng và kiểm soát của Nhà nước[6].

Trong lĩnh vực tư pháp và hoạt động nghề nghiệp có tính chuyên môn cao, xã hội hoá có thể được xem xét dưới nhiều phương diện, trong đó có cách tiếp cận về "xã hội hoá nghề nghiệp" (occupational socialization). Theo cách tiếp cận này, xã hội hoá nghề nghiệp là quá trình cá nhân, tổ chức từng bước tiếp thu các giá trị nghề nghiệp, chuẩn mực đạo đức, phương pháp chuyên môn và văn hoá tổ chức để trở thành một thành viên thực thụ của cộng đồng nghề nghiệp mà mình tham gia[7]. Cách tiếp cận này cho thấy một lĩnh vực chuyên môn không chỉ được hình thành và duy trì bởi các thiết chế nhà nước, mà còn gắn với sự tham gia của các chủ thể có chuyên môn và việc tuân thủ những chuẩn mực nghề nghiệp tương ứng. Đặt trong bối cảnh GĐTP, vấn đề xã hội hoá cần được tiếp cận rộng hơn từ phương diện tổ chức và cung ứng hoạt động phục vụ tư pháp. Theo đó, xã hội hoá GĐTP có thể được hiểu là quá trình nhà nước tạo lập cơ chế pháp lí để mở rộng sự tham gia của các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực chuyên môn vào việc thực hiện hoạt động GĐTP, qua đó huy động các nguồn lực xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động tố tụng và giải quyết các vấn đề có liên quan đến tư pháp. Việc mở rộng sự tham gia này không làm mất đi trách nhiệm của nhà nước đối với GĐTP; ngược lại, do GĐTP gắn trực tiếp với việc bảo đảm công lí và giải quyết các vụ việc tư pháp, nhà nước vẫn giữ vai trò xây dựng pháp luật, thiết lập điều kiện và tiêu chuẩn tham gia, công nhận hoặc cho phép hoạt động, đồng thời kiểm tra, giám sát và bảo đảm chất lượng, tính khách quan của kết quả GĐTP. Như vậy, xã hội hoá GĐTP có thể được nhìn nhận như một cơ chế huy động nguồn lực xã hội trong cung ứng hoạt động có tính chất dịch vụ công phục vụ tư pháp, trong đó sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và dưới sự điều tiết, kiểm soát cần thiết của nhà nước.

Từ bản chất của xã hội hoá trong điều kiện quản lí nhà nước, có thể nhận diện một số đặc trưng cơ bản của xã hội hoá GĐTP như sau: 1) Đây là quá trình mở rộng sự tham gia của các cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện chuyên môn vào hoạt động GĐTP

---

[5] Trần Mạnh Đạt (chủ nhiệm) (2010), *Xã hội hoá hoạt động giám định tư pháp đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp,* Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học Pháp lí, Bộ Tư pháp, tr. 26.

[6] Trần Mạnh Đạt (chủ nhiệm) (2010), tlđd, tr. 26 - 261.

[7] Tess M. S. Neal, Stanley L. Brodsky (2014), "Occupational Socialization's Role in Forensic Psychologists' Objectivity", *Journal of Forensic Psychology Practice,* Vol. 14, No. 1, tr. 28.

nhằm huy động các nguồn lực xã hội phục vụ hoạt động tố tụng và giải quyết tranh chấp; 2) Xã hội hoá không được thực hiện đồng đều ở mọi lĩnh vực giám định mà được triển khai theo hướng phân hoá, trong đó nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo và đầu tư tập trung đối với các lĩnh vực giám định thiết yếu, có nhu cầu thường xuyên và liên quan trực tiếp đến an ninh, trật tự xã hội, đồng thời khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước ở những lĩnh vực chuyên ngành có tính chất đa dạng và chuyên sâu; 3) Xã hội hoá GĐTP không đồng nghĩa với việc nhà nước từ bỏ trách nhiệm quản lí mà là sự chuyển đổi từ mô hình quản lí trực tiếp sang mô hình quản lí thông qua pháp luật, quy chuẩn chuyên môn, cơ chế kiểm tra, giám sát và định hướng phát triển; 4) Quá trình này vừa hướng đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính chuyên nghiệp của hoạt động GĐTP, vừa góp phần giảm áp lực đối với bộ máy nhà nước thông qua việc khai thác hiệu quả đội ngũ chuyên gia và các tổ chức chuyên môn trong xã hội; 5) Xã hội hoá GĐTP đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lí nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng, các tổ chức chuyên môn và các hội nghề nghiệp nhằm bảo đảm tính khách quan, thống nhất và độ tin cậy của kết luận giám định trong hoạt động tư pháp[8].

2.2. Tiêu chí đánh giá mô hình xã hội hoá trong giám định tư pháp

Từ việc tổng hợp các nghiên cứu học thuật quốc tế về chứng cứ chuyên gia (expert evidence), quản trị khoa học pháp y (forensic science governance) và cung ứng dịch vụ công, cùng với lí thuyết quản trị chất lượng (quality management theory), có thể nhận diện một số phương diện liên quan đến việc huy động các chủ thể và nguồn lực ngoài nhà nước tham gia cung cấp chuyên môn phục vụ hoạt động tố tụng. Các nghiên cứu về chứng cứ chuyên gia tập trung vào cơ chế pháp lí, phương thức lựa chọn và vai trò của chuyên gia; trong khi các nghiên cứu về khoa học pháp y nhấn mạnh đến chủ thể cung cấp dịch vụ, nguồn lực, chi phí, chất lượng và hiệu quả của hoạt động chuyên môn[9]. Mặc dù các nghiên cứu này không trực tiếp xây dựng một mô hình thống nhất về xã hội hoá GĐTP, việc tổng hợp các hướng tiếp cận cho phép xác định một khung phân tích phù hợp với đặc thù của GĐTP. Trên cơ sở đó, xã hội hoá GĐTP có thể được xem xét trên năm nhóm nội dung chủ yếu sau đây:

[8] Trần Mạnh Đạt (chủ nhiệm) (2010), tlđd, tr. 33 - 36.

[9] Các nghiên cứu học thuật quốc tế liên quan, tiêu biểu là: Verkerk, R. R. (2009), "Comparative Aspects of Expert Evidence in Civil Litigation", *The International Journal of Evidence & Proof*, 13(3), tr. 167 - 170, 175 - 177, 182 - 184; Edmond, G. (2012), "Is Reliability Sufficient? The Law Commission and Expert Evidence in International and Interdisciplinary Perspective", *The International Journal of Evidence & Proof*, 16(1), tr. 32 - 35; Vázquez, C. (2022), "From Institutional to Epistemic Authority: Rethinking Court-Appointed Experts", *Evidential Legal Reasoning*, Cambridge University Press, tr. 75 - 76, 79 - 81; McAndrew, W. P. (2012), "Is Privatization Inevitable for Forensic Science Laboratories?", *Forensic Science Policy & Management: An International Journal*, 3(1), tr. 42 - 45. Ngoài ra, trường phái Quản trị chất lượng toàn diện (Total Quality Management - TQM) theo quan điểm của W. Edwards Deming được ghi nhận bởi Hiệp hội Chất lượng Hoa Kỳ (American Society for Quality - ASQ) cũng được tổng hợp trong nghiên cứu này: American Society for Quality, https://asq.org/quality-resources/tqm/deming-points, truy cập 06/6/2026.

Một là, khung pháp luật điều chỉnh hoạt động xã hội hoá GĐTP. Khung pháp luật bao gồm các quy định về điều kiện tham gia hoạt động GĐTP, cơ chế công nhận chủ thể giám định, tiêu chuẩn chuyên môn, quy trình thực hiện GĐTP và cơ chế quản lí, kiểm tra, giám sát của Nhà nước. Thể chế pháp lí đóng vai trò nền tảng, tạo lập hành lang cho sự tham gia của các chủ thể ngoài Nhà nước vào hoạt động GĐTP. Khung pháp luật không chỉ xác định địa vị, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia mà còn quy định mối quan hệ giữa yêu cầu tố tụng với hoạt động chuyên môn của chuyên gia. Việc thiết lập các quy định pháp luật minh bạch, thống nhất là điều kiện quan trọng để điều chỉnh mối quan hệ giữa cơ quan tiến hành tố tụng, các bên liên quan và chuyên gia, đồng thời bảo đảm tính hợp pháp và giá trị của kết luận GĐTP trước cơ quan tài phán[10]. Bên cạnh đó, khung pháp luật cần xác lập các yêu cầu đối với độ tin cậy của hoạt động và kết quả giám định, nhằm hạn chế rủi ro sai sót chuyên môn và bảo đảm chất lượng khi có sự tham gia của các chủ thể ngoài Nhà nước[11].

Hai là, các chủ thể tham gia hoạt động GĐTP. Nhóm nội dung này tập trung làm rõ cơ cấu chủ thể, địa vị pháp lí, điều kiện và tiêu chuẩn chuyên môn, cũng như vị thế của các cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước khi tham gia thực hiện GĐTP. Việc mở rộng và đa dạng hoá các chủ thể tham gia là một trong những biểu hiện quan trọng của xã hội hoá GĐTP, bởi sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước cho phép huy động thêm nguồn nhân lực và năng lực chuyên môn phục vụ hoạt động tư pháp. Dưới góc độ lí luận so sánh, các nghiên cứu về chứng cứ chuyên gia cho thấy có sự khác biệt đáng kể trong cơ chế lựa chọn và tham gia của chuyên gia, tiêu biểu là chuyên gia do tòa án chỉ định và chuyên gia do các bên lựa chọn. Sự khác biệt này có ý nghĩa đối với việc xác định vai trò, trách nhiệm của chuyên gia cũng như cách thức hình thành và đánh giá chứng cứ chuyên gia trong tố tụng[12]. Tuy nhiên, việc xác định địa vị pháp lí hoặc cơ chế chỉ định chuyên gia không đương nhiên bảo đảm chất lượng và độ tin cậy của kết luận giám định. Những yêu cầu này còn phụ thuộc vào điều kiện lựa chọn, năng lực chuyên môn, tính độc lập, trách nhiệm nghề nghiệp và các cơ chế kiểm soát đối với chủ thể thực hiện GĐTP[13].

Ba là, nội dung và phạm vi hoạt động xã hội hoá. Nội dung này thể hiện ở các lĩnh vực giám định cũng như mức độ tham gia của các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước trong việc thực hiện giám định và các hoạt động hỗ trợ giám định. Phạm vi xã hội hoá cần được phân định một cách khoa học dựa trên tính chất và ranh giới quyền lực của từng lĩnh vực chuyên môn[14]. Cụ thể, nhà nước duy trì vai trò nòng cốt ở các lĩnh vực nhạy cảm gắn liền với an ninh quốc gia (như kĩ thuật hình sự, pháp y), nhưng cần mở rộng tối đa không gian cho khu vực tư nhân ở các lĩnh vực kĩ thuật chuyên sâu, tài chính, môi trường hay công nghệ số - nơi thị trường sở hữu ưu thế vượt trội về tri thức và trang thiết bị hiện đại[15].

[10] Verkerk, R. R. (2009), tlđd, tr. 167 - 170.
[11] Edmond, G. (2012), tlđd, tr. 32 - 35.
[12] Verkerk, R. R. (2009), tlđd, tr. 175 - 177.
[13] Vázquez, C. (2022), sđd, tr. 75 - 76.
[14] Verkerk, R. R. (2009), tlđd, tr. 182 - 184.
[15] Vázquez, C. (2022), sđd, tr. 79 - 81.

Bốn là, nguồn lực cho hoạt động GĐTP. Nguồn lực bao gồm nguồn ngân sách nhà nước, nguồn chi trả từ các chủ thể có yêu cầu giám định và các nguồn lực xã hội khác được huy động để bảo đảm hoạt động giám định. Trong quản trị dịch vụ công hiện đại, nguồn lực cho GĐTP cần được tiếp cận toàn diện từ cả phương diện tài chính, nhân lực, công nghệ và cơ sở hạ tầng phòng thí nghiệm. Việc chuyển giao một phần dịch vụ giám định sang khu vực tư nhân giúp giảm tải đáng kể áp lực tài chính cho ngân sách nhà nước, chuyển dịch gánh nặng chi phí thông qua cơ chế thù lao giám định do đương sự tự trả hoặc cơ chế thuê ngoài[16].

Năm là, cơ chế bảo đảm chất lượng và hiệu quả hoạt động của mô hình. Nhóm nội dung này bao gồm hệ thống tiêu chuẩn chuyên môn, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, cơ chế kiểm định, kiểm tra, thanh tra, giám sát và trách nhiệm pháp lí đối với hoạt động GĐTP. Việc thiết lập và kiểm soát chất lượng hoạt động GĐTP có thể được tiếp cận trên nền tảng của lí thuyết quản trị chất lượng (quality management theory), đặc biệt là tư tưởng của W. Edwards Deming và trường phái Quản trị chất lượng toàn diện (Total Quality Management - TQM). Đây là hướng tiếp cận có nền tảng và ảnh hưởng rộng rãi trong lĩnh vực quản trị chất lượng, được ghi nhận bởi Hiệp hội Chất lượng Hoa Kỳ (American Society for Quality - ASQ) về vai trò nền tảng đối với sự hình thành và phát triển của TQM và các hệ thống quản trị chất lượng hiện đại[17]. Việc mở rộng sự tham gia của các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước đặt ra yêu cầu phải thiết lập các cơ chế phù hợp nhằm bảo đảm hoạt động GĐTP được thực hiện theo các tiêu chuẩn chuyên môn thống nhất, có chất lượng và đáp ứng yêu cầu của hoạt động tư pháp. Theo đó, việc áp dụng các tiêu chuẩn và quy trình chuyên môn thống nhất không chỉ góp phần nâng cao chất lượng hoạt động GĐTP mà còn tăng cường khả năng kiểm soát, phát hiện và xử lí các sai sót trong quá trình giám định. Đồng thời, cơ chế giám sát độc lập, quy trình phát hiện và xử lí vấn đề về chất lượng (quality issue management) cùng với các yêu cầu nghiêm ngặt về đạo đức nghề nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc hạn chế nguy cơ thiên lệch chuyên môn, bảo đảm tính khách quan, vô tư và liêm chính của người thực hiện GĐTP, qua đó góp phần nâng cao độ tin cậy của kết luận GĐTP và hiệu quả của hoạt động tư pháp[18].

Các nội dung cấu thành nêu trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và phản ánh mức độ phát triển của quá trình xã hội hoá GĐTP trong từng hệ thống pháp luật. Trên cơ sở đó, có thể xây dựng các tiêu chí đánh giá mô hình xã hội hoá GĐTP như sau:

Thứ nhất, mức độ mở rộng sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước vào hoạt động GĐTP. Đây là tiêu chí phản ánh trực tiếp nhất mức độ xã hội hoá trong GĐTP. Việc đánh giá tiêu chí này không chỉ dựa trên số lượng tổ chức, cá nhân tham gia mà còn phải xem xét vai trò và mức độ đóng

[16] McAndrew, W. P. (2012), tlđd, tr. 42 - 45.

[17] American Society for Quality, https://asq.org/quality-resources/tqm/deming-points, truy cập 06/6/2026.

[18] Heavey, A. L., Houck, M. M., GR, Turbett., & Lewis, S. W. (2025), "Quality issue management and disclosure in forensic science: A survey of practice and perceptions", *Journal of Forensic Sciences,* 70, tr. 1866, 1879.

góp thực tế của các chủ thể ngoài nhà nước trong việc đáp ứng nhu cầu giám định của hoạt động tố tụng[19].

Thứ hai, mức độ mở rộng phạm vi các lĩnh vực giám định được xã hội hoá[20]. Tiêu chí này phản ánh phạm vi tác động của quá trình xã hội hoá trong từng lĩnh vực GĐTP. Vì vậy, mức độ xã hội hoá càng cao khi hệ thống pháp luật cho phép và tạo điều kiện để nguồn lực xã hội tham gia vào nhiều lĩnh vực giám định khác nhau, đặc biệt là các lĩnh vực mà khu vực công khó có khả năng đáp ứng đầy đủ về chuyên môn và nhân lực.

Thứ ba, mức độ mở và linh hoạt của cơ chế công nhận chủ thể giám định. Một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện xã hội hoá là việc thiết lập cơ chế công nhận người giám định và tổ chức giám định dựa trên năng lực chuyên môn thực chất thay vì chỉ dựa trên yếu tố hành chính hoặc vị trí công tác trong bộ máy nhà nước[21]. Vì vậy, mức độ xã hội hoá được thể hiện thông qua khả năng pháp luật tạo ra các cơ chế minh bạch, thuận lợi và bình đẳng để các cá nhân, tổ chức đáp ứng đủ điều kiện chuyên môn có thể tham gia hoạt động giám định.

Thứ tư, mức độ huy động và đa dạng hoá nguồn lực xã hội cho hoạt động GĐTP. Tiêu chí này phản ánh khả năng của hệ thống pháp luật trong việc khai thác và sử dụng các nguồn lực ngoài nhà nước để phục vụ hoạt động GĐTP. Theo đó, mức độ xã hội hoá càng cao khi pháp luật cho phép và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kĩ thuật, phòng thí nghiệm, công nghệ chuyên ngành và tham gia cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho hoạt động giám định[22]. Việc đánh giá tiêu chí này không chỉ dựa trên mức độ tham gia của nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước mà còn cần xem xét khả năng huy động đa dạng các nguồn lực xã hội khác, mức độ tự chủ của các tổ chức giám định và hiệu quả sử dụng các nguồn lực đó trong việc nâng cao năng lực, chất lượng và khả năng đáp ứng nhu cầu GĐTP.

Thứ năm, mức độ đa dạng hoá hoạt động cung cấp dịch vụ giám định dưới cơ chế quản lí, kiểm soát của nhà nước. Khác với quan niệm đồng nhất xã hội hoá với việc giảm bớt vai trò của nhà nước, trong lĩnh vực GĐTP, sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước chỉ có ý nghĩa khi được đặt trong khuôn khổ quản lí và kiểm soát chặt chẽ nhằm bảo đảm tính khách quan, chính xác và độ tin cậy của kết luận giám định[23]. Do đó, mức độ xã hội hoá không chỉ được đánh giá thông qua việc mở rộng chủ thể tham gia mà còn phải được xem xét trên phương diện hiệu quả của các cơ chế kiểm tra, giám sát, tiêu chuẩn chuyên môn, quy tắc

[19] Hoàng An (2024), *Xã hội hoá giám định tư pháp đáp ứng yêu cầu khách quan của thực tiễn,* https://tienphong.vn/xa-hoi-hoa-giam-dinh-tu-phap-dap-ung-yeu-cau-khach-quan-cua-thuc-tien-post1689795.tpo, truy cập 26/5/2026.

[20] Committee on Identifying the Needs of the Forensic Sciences Community, National Research Council (2009), *Strengthening Forensic Science in the United States: A Path Forward,* The National Academies Press, Washington, D.C., tr. 14.

[21] Tess M. S. Neal, Stanley L. Brodsky (2014), tlđd, tr. 33.

[22] Jemmy T. Bouzin, Thais Lópes, Anna L. Heavey, Jessie Parrish, Georgina Sauzier, Simon W. Lewis (2023), "Mind the gap: The challenges of sustainable forensic science service provision", *Forensic Science International: Synergy*, Vol. 6, tr. 5.

[23] Trần Mạnh Đạt (chủ nhiệm) (2010), tlđd, tr. 35 - 36.

đạo đức nghề nghiệp, kiểm định chất lượng và xử lí trách nhiệm đối với người giám định. Nhiều nghiên cứu quốc tế về quản trị hoạt động giám định pháp y đều cho rằng việc xây dựng hệ thống tiêu chuẩn thống nhất, cơ chế giám sát độc lập và các quy tắc nghề nghiệp chặt chẽ là điều kiện cần thiết để bảo đảm chất lượng và tính khách quan của hoạt động giám định trong bối cảnh mở rộng sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau[24].

3. Mô hình xã hội hoá trong giám định tư pháp tại Úc

Úc là một nhà nước liên bang, do đó mô hình tổ chức GĐTP công được thiết lập chủ yếu ở cấp bang/lãnh thổ, phục vụ cho hệ thống tư pháp của từng bang cũng như cho Chính phủ Liên bang trong phạm vi cần thiết.

Tại quốc gia này, các vấn đề liên quan đến chuyên gia và kết quả giám định chủ yếu được điều chỉnh thông qua pháp luật về chứng cứ, common law và các quy tắc tố tụng ở cấp Liên bang, bang và vùng lãnh thổ. Đặc biệt, trong các đạo luật chứng cứ theo mô hình thống nhất, trong đó có Evidence Act 1995 (Cth), chứng cứ ý kiến của chuyên gia được điều chỉnh thông qua quy định về ngoại lệ đối với nguyên tắc loại trừ chứng cứ ý kiến. Theo Điều 79 của Evidence Act 1995 (Cth), ý kiến của một người có kiến thức chuyên môn (specialised knowledge) dựa trên quá trình đào tạo, học tập hoặc kinh nghiệm có thể được tiếp nhận khi ý kiến đó được hình thành toàn bộ hoặc chủ yếu trên cơ sở kiến thức chuyên môn đó[25]. Cách tiếp cận này cho thấy pháp luật Úc đặt trọng tâm đáng kể vào điều kiện để ý kiến chuyên gia được chấp nhận và sử dụng như một nguồn chứng cứ trong tố tụng, thay vì xây dựng một cơ chế pháp lí thống nhất về quản lí hành chính đối với toàn bộ hoạt động GĐTP. Do đó, trong mô hình của Úc, vấn đề về năng lực chuyên môn, cơ sở hình thành ý kiến, tính phù hợp của chuyên môn và giá trị của chứng cứ chuyên gia được xem xét gắn chặt với quá trình tố tụng và chức năng đánh giá chứng cứ của tòa án. Chính cách tiếp cận này tạo nền tảng cho việc mở rộng sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước và làm cho mức độ xã hội hoá trong hoạt động giám định tại Úc tương đối cao.

Thứ nhất, về mức độ mở rộng sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước vào hoạt động GĐTP

Tại Úc, hoạt động cung cấp chứng cứ chuyên gia phục vụ tố tụng không chỉ được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước hay phòng xét nghiệm công lập mà còn có sự tham gia của các phòng thí nghiệm và tổ chức tư nhân. Theo Ủy ban Cải cách pháp luật Úc (Australian Law Reform Commission - ALRC), quốc gia này cho phép các phòng xét nghiệm tư nhân hoạt động, trong đó nhiều cơ sở hoạt động độc lập và có thể cung cấp dịch vụ xét nghiệm cho Chính phủ theo từng trường hợp hoặc theo hợp đồng. ALRC đồng thời ghi nhận khả năng các phòng xét nghiệm tư nhân cung cấp dịch vụ phân tích pháp y cho cơ quan thực thi pháp luật. Điều này cho thấy hoạt động chuyên môn phục vụ tư pháp

[24] Heavey, A. L., Houck, M. M., GR, Turbett., & Lewis, S. W. (2025), tlđd, tr. 1866, 1879.

[25] Australian Law Reform Commission (2010), *Opinions based on specialised knowledge,* https://www.alrc.gov.au/publication/uniform-evidence-law-alrc-report-102/9-the-opinion-rule-and-its-exceptions/opinions-based-on-specialised-knowledge/, truy cập 05/6/2026.

tại Úc có sự tham gia của cả khu vực công và khu vực tư nhân, qua đó tạo điều kiện huy động các nguồn lực ngoài Nhà nước vào hoạt động GĐTP[26]. Một số dạng tổ chức/đơn vị tư nhân hoặc phi chính phủ thường tham gia GĐTP tại Úc, gồm:

Một là, khu vực doanh nghiệp tư nhân và các phòng thí nghiệm độc lập đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ giám định.

Nhiều công ti chuyên môn thực hiện giám định dấu vết, phân tích ADN, giám định âm thanh, hình ảnh hoặc dữ liệu số theo yêu cầu của luật sư và các bên trong vụ án. Để bảo đảm giá trị chứng cứ, các phòng thí nghiệm tư nhân phải tuân thủ các tiêu chuẩn kiểm định nghiêm ngặt (như ISO/IEC 17025) và kết quả giám định chỉ được chấp nhận nếu đạt độ tin cậy khoa học tương đương với khu vực công[27]. Các kết quả phân tích từ phòng thí nghiệm tư nhân được toà án chấp nhận nếu phương pháp khoa học và quy trình thí nghiệm đạt chuẩn tương đương phòng thí nghiệm công[28].

Hai là, các trường đại học có trung tâm nghiên cứu pháp y hoặc phòng thí nghiệm có khả năng thực hiện giám định chuyên sâu cũng là một nguồn lực quan trọng trong hoạt động GĐTP. Trong một số trường hợp, toà án có thể trưng cầu chuyên gia học thuật trong những vụ phức tạp (ví dụ giám định gene di truyền phức tạp, giám định hệ thống phần mềm…). Một số viện/trung tâm có thể tham gia dưới dạng đơn vị tư vấn độc lập cho toà án, chẳng hạn Trung tâm Khoa học Pháp y thuộc Đại học Công nghệ Sydney là một đơn vị nghiên cứu pháp y có khả năng tiến hành các phân tích khoa học pháp y chuyên sâu và cung cấp dịch vụ tư vấn, giám định chuyên môn cho các cơ quan thực thi pháp luật[29].

Ngoài ra, các hội nghề nghiệp và tổ chức phi lợi nhuận cũng tham gia vào hoạt động giám định theo những cách thức linh hoạt. Trên thực tế, một số tổ chức phi lợi nhuận còn cung cấp dịch vụ giám định miễn phí hoặc chi phí thấp, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như giám định y khoa cho nạn nhân bị xâm hại tình dục. Qua đó, chính quyền đã đầu tư thành lập một dịch vụ tại các bệnh viện công nhằm hỗ trợ nạn nhân bạo lực tình dục được khám và thu thập chứng cứ pháp y nhanh chóng[30].

Thứ hai, về mức độ mở rộng phạm vi các lĩnh vực giám định được xã hội hoá

Tính xã hội hoá tại Úc không chỉ thể hiện ở việc mở rộng số lượng chủ thể tham gia hoạt động giám định mà còn ở phạm vi lĩnh vực giám định được tổ chức rất đa dạng. Điển hình là lĩnh vực pháp y tâm thần, nơi

[26] Australian Law Reform Commission (2010), *Who performs genetic testing?,* https://www.alrc.gov.au/publication/essentially-yours-the-protection-of-human-genetic-information-in-australia-alrc-report-96/10-genetic-testing/who-performs-genetic-testing/, truy cập 05/6/2026.

[27] Queensland Government, *Forensic Science,* https://www.fsq.qld.gov.au, truy cập 05/6/2025.

[28] Điều 79 Đạo luật Chứng cứ năm 2008 của Úc, https://www.legislation.vic.gov.au/in-force/acts/evidence-act-2008/027, truy cập 04/5/2026.

[29] Centre for Forensic Science, *Forensic services,* https://www.uts.edu.au/research/centres/centre-forensic-science/forensic-services, truy cập 05/6/2026.

[30] The Guardian (2024), *Queensland to spend $56m on forensic examination service for sexual assault victims,* https://www.theguardian.com/australia-news/article/2024/jun/11/queensland-forensic-examination-service-sexual-assault-victims, truy cập 05/6/2025.

các cơ sở chuyên khoa thuộc hệ thống y tế công lập (như Viện Pháp y Tâm thần tại bang Victoria hoặc Mạng lưới Y tế Tư pháp và Pháp y tâm thần tại bang New South Wales) thực hiện chức năng giám định[31], nhưng các chuyên gia trong lĩnh vực này đồng thời có thể tham gia tố tụng với tư cách độc lập theo yêu cầu của toà án, cơ quan công tố hoặc luật sư bào chữa[32]. Hoặc trong lĩnh vực giám định kĩ thuật số và điện tử, ví dụ tại bang Victoria, cảnh sát Victoria có Đội E-Crime chuyên trách giám định chứng cứ điện tử[33] nhưng không hoạt động một cách biệt lập. Khi cần thiết, các cơ quan này có thể huy động chuyên gia độc lập hoặc tổ chức ngoài nhà nước để thực hiện các hoạt động giám định chuyên sâu[34]. Bên cạnh đó, nhiều lĩnh vực giám định không được tổ chức thành hệ thống cơ quan nhà nước chuyên trách mà được thực hiện trên cơ sở huy động các chủ thể có chuyên môn phù hợp trong xã hội[35]. Các lĩnh vực như giám định kĩ thuật, giám định tài chính-kế toán, giám định chữ kí... thường không có cơ quan công lập chuyên biệt mà được thực hiện bởi các chuyên gia, tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan có chức năng liên quan khi phát sinh nhu cầu tố tụng. Chẳng hạn, trong các vụ án kinh tế, cơ quan công tố có thể sử dụng ý kiến của kiểm toán viên hoặc các chuyên gia tài chính. Văn phòng Kiểm toán bang New South Wales ngoài chức năng kiểm toán công còn có thể cung cấp dịch vụ giám định tài, chính theo chuẩn mực nghề nghiệp[36].

Thứ ba, về mức độ mở và linh hoạt của cơ chế công nhận chủ thể giám định

Úc không thiết lập cơ chế "bổ nhiệm" mang tính hành chính đối với chủ thể thực hiện giám định mà mở rộng khả năng tham gia cho các cá nhân có năng lực chuyên môn trong xã hội. Khác với nhiều quốc gia, ngoại trừ một số vị trí công chức chuyên môn, bất cứ ai đáp ứng đủ tiêu chuẩn về chuyên môn đặc thù và kinh nghiệm đều có thể được mời làm giám định viên trong một vụ án cụ thể khi họ đáp ứng được những điều kiện sau:

Để được toà án chấp nhận, người được mời làm giám định viên phải chứng minh được rằng mình có kiến thức chuyên môn chuyên sâu vượt ra ngoài hiểu biết thông thường của người bình thường và kiến thức đó phải có nguồn gốc từ đào tạo chính quy, nghiên cứu khoa học hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp đáng kể[37]. Trong thực tiễn, nhiều lĩnh vực GĐTP tại Úc có hệ thống đào tạo và chứng nhận nghề nghiệp chuyên sâu do các

[31] Forensicare, *Community Transition and Treatment Program (CTTP),* https://www.forensicare.vic.gov.au/our-services/community-operations/statewide-services/, truy cập 05/6/2026.

[32] Justice Health and Forensic Mental Health Network (2025), *Year in Review*, https://www.nsw.gov.au/sites/default/files/noindex/2025-12/jhfmhn-year-in-review-2025.pdf, truy cập 05/6/2026.

[33] Victorian Law Reform Commission, *Forensic reports and delay,* https://www.lawreform.vic.gov.au/publication/committals/10-forensic-reports-and-delay, truy cập 05/6/2026.

[34] Điều 79 Đạo luật Chứng cứ năm 2008 của Úc, https://www.legislation.vic.gov.au/in-force/acts/evidence-act-2008/027, truy cập 04/5/2026.

[35] Điều 79 Đạo luật Chứng cứ năm 2008 của Úc, tlđd.

[36] NSW Audit Office (2022), *Forensic Accounting Services,* https://www.audit.nsw.gov.au/sites/default/files/documents/Policy%202.2.8%20Forensic%20Accounting%20Services%20-%20current%20version.PDF, truy cập 05/6/2026.

[37] Điều 79 Đạo luật Chứng cứ năm 2008 của Úc, tlđd.

tổ chức nghề nghiệp uy tín thiết lập. Ví dụ, Hiệp hội Hoàng gia về Bệnh học Australasia (Royal College of Pathologists of Australasia (RCPA)) là tổ chức đào tạo và đánh giá chuyên môn đối với bác sĩ chuyên khoa bệnh học, trong đó có chuyên ngành bệnh học pháp y (forensic pathology). RCPA hoạt động trên phạm vi Australasia, trong đó bao gồm Úc và New Zealand, chương trình đào tạo của tổ chức này được sử dụng làm cơ sở để đào tạo, đánh giá và cấp chứng nhận chuyên môn về bệnh học tại hai quốc gia[38]. Tương tự, Hiệp hội Hoàng gia về Tâm thần học Úc và New Zealand (Royal Australian and New Zealand College of Psychiatrists (RANZCP)) chịu trách nhiệm đào tạo, đánh giá và phát triển chuyên môn cho bác sĩ tâm thần tại Úc và New Zealand, đồng thời tổ chức chương trình đào tạo chuyên sâu về tâm thần học pháp y (forensic psychiatry)[39].

Cùng với đó, về quy trình bổ nhiệm/công nhận giám định viên tư pháp, ngoại trừ giám định viên là công chức (như giám định viên pháp y của cảnh sát hay bác sĩ pháp y của cơ quan y tế), không có thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo thể thức hành chính. Thay vào đó, toà án quyết định việc công nhận một người có tư cách chuyên gia trong mỗi vụ án cụ thể, dựa trên hồ sơ chuyên môn của người đó. Vì vậy, một người có thể được coi là "giám định viên tư pháp" trong một vụ án nhất định (nếu toà chấp nhận) nhưng không có nghĩa là họ có tư cách giám định viên cố định trong mọi vụ án khác. Đặc biệt, các toà án ở Úc ban hành bộ quy tắc mà mọi giám định viên phải tuân thủ[40].

Thứ tư, về mức độ huy động và đa dạng hoá nguồn lực xã hội cho hoạt động GĐTP.

Úc là một trong những quốc gia có mức độ huy động nguồn lực xã hội tương đối cao trong hoạt động GĐTP. Cụ thể, các công ti và phòng thí nghiệm tư nhân hoạt động theo cơ chế thị trường, có thể được thuê bởi luật sư bào chữa, các bên đương sự hoặc các chủ thể có nhu cầu nhằm thực hiện hoặc hỗ trợ hoạt động giám định. Bên cạnh đó, trong những vụ việc có tính chất chuyên môn sâu hoặc liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ mới, toà án và các cơ quan tiến hành tố tụng có thể huy động đội ngũ chuyên gia từ các trường đại học, viện nghiên cứu, điển hình như Trung tâm Khoa học Pháp y thuộc Đại học Công nghệ Sydney (Centre for Forensic Science, University of Technology Sydney - UTS)[41] để cung cấp ý kiến chuyên môn hoặc tham gia giám định. Ngoài ra, các hội nghề nghiệp còn đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp, giới thiệu và bảo đảm chất lượng đội ngũ chuyên gia phục vụ hoạt động tư pháp. Cơ chế này góp phần giảm áp lực cho hệ thống công lập, nâng cao khả năng tiếp cận chuyên môn sâu và tăng cường tính linh hoạt của hoạt động

[38] Royal College of Pathologists of Australasia (2025), *RCPA Trainee Handbook - Forensic Pathology,* https://www.rcpa.edu.au/getattachment/9059b775-5e5b-4181-90e1-b68c8ee16a11/Forensic-Pathology-Trainee-Handbook-2025, truy cập 05/6/2026.

[39] The Royal Australian and New Zealand College of Psychiatrists, *Certificate of Advanced Training in Forensic Psychiatry,* https://www.ranzcp.org/training-exams-and-assessments/advanced-training/forensic-psychiatry, truy cập 05/6/2026.

[40] Federal Court of Australia, *Expert Evidence & Expert Witnesses,* https://www.fedcourt.gov.au/law-and-practice/guides/expert-evidence, truy cập 05/6/2026.

[41] Centre for Forensic Science, tlđd.

GĐTP trong bối cảnh khoa học và công nghệ phát triển nhanh chóng.

Thứ năm, về mức độ đa dạng hoá hoạt động cung cấp dịch vụ giám định dưới cơ chế quản lí, kiểm soát của Nhà nước.

Úc tạo ra một hệ thống cung cấp dịch vụ giám định đa dạng, trong đó các chủ thể công lập và tư nhân cùng tồn tại, bổ trợ và kiểm chứng lẫn nhau. Trước hết, mô hình này tạo điều kiện hình thành nhiều loại hình dịch vụ giám định khác nhau, đáp ứng nhu cầu đa dạng của hoạt động tố tụng và của các chủ thể có liên quan. Các bên trong tố tụng có thể chủ động lựa chọn chuyên gia hoặc yêu cầu giám định độc lập để phản biện kết luận của cơ quan công lập, qua đó hạn chế nguy cơ độc quyền chuyên môn và tăng tính tranh tụng trong tố tụng. Song song với đó, pháp luật Úc không tuyệt đối hoá hay ưu tiên mô hình nào, mà cho phép cả hai mô hình công lập và tư nhân cùng tồn tại và bổ trợ lẫn nhau. Các bên có thể thuê chuyên gia độc lập để kiểm tra lại, phản biện hoặc bổ sung ý kiến chuyên môn đối với chứng cứ khoa học ban đầu từ tổ chức công lập. Tuy nhiên, để bảo đảm chất lượng dịch vụ giám định, các phòng thí nghiệm tư nhân phải đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định tương đương với các cơ sở công lập, điển hình là chứng nhận ISO/IEC 17025 [42]. Bên cạnh đó, hệ thống quy tắc ứng xử nghề nghiệp áp dụng cho các chuyên gia tham gia tố tụng còn tạo ra cơ chế bảo đảm tính độc lập, khách quan và trách nhiệm nghề nghiệp, qua đó duy trì chất lượng của hoạt động giám định trong điều kiện có nhiều chủ thể cùng cung cấp dịch vụ giám định.

[42] Queensland Government, tlđd.

4. Một số đặc trưng của xã hội hoá thể hiện trong hoạt động giám định tư pháp tại Việt Nam

Hoạt động GĐTP tại Việt Nam được quy định trực tiếp trong Luật GĐTP và đặt dưới sự quản lí, kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước nhằm bảo đảm tính thống nhất, ổn định và giá trị chứng cứ của kết luận giám định. Do đó, mặc dù pháp luật đã ghi nhận chủ trương xã hội hoá trong hoạt động GĐTP, việc mở rộng sự tham gia của các tổ chức, cá nhân ngoài khu vực công vẫn được thực hiện theo hướng thận trọng và chịu sự kiểm soát đáng kể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền như sau:

Thứ nhất, về mức độ mở rộng sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước vào hoạt động GĐTP

Bên cạnh các tổ chức giám định công lập, chủ thể tham gia hoạt động GĐTP tại Việt Nam có thể bao gồm các tổ chức GĐTP theo vụ việc (Mục 2 Chương III Luật GĐTP năm 2025), văn phòng GĐTP (Mục 3 Chương III Luật GĐTP năm 2025) và người GĐTP theo vụ việc (Mục 2 Chương II Luật GĐTP năm 2025). Đến năm 2025, các bộ, ngành, địa phương đã công nhận 3.719 người GĐTP theo vụ việc ở các lĩnh vực chuyên môn, trong đó 2.234 người do uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận và 1.485 người do bộ, cơ quan ngang bộ công nhận. Đồng thời, các cơ quan có thẩm quyền cũng đã công nhận 748 tổ chức GĐTP theo vụ việc[43] là cơ

[43] Lã Thị Vân Anh (2025), "Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của người giám định tư pháp và tổ chức giám định tư pháp đáp ứng yêu cầu thực tiễn của hoạt động tố tụng", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số kì 2 (435), https://danchuphapluat.vn/giai-phap-nang-cao-chat-luong-hoat-dong-cua-nguoi-giam-dinh-tu-phap-va-to-chuc-giam-dinh-tu-phap-

quan, đơn vị nhà nước hoặc ngoài khu vực nhà nước ở các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, xây dựng, tài nguyên môi trường, thông tin truyền thông, văn hoá, giao thông vận tải, kế hoạch đầu tư, nông nghiệp và phát triển nông thôn, bí mật nhà nước, tư pháp, bảo hiểm xã hội để cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lựa chọn, trưng cầu, thực hiện giám định, phục vụ cho hoạt động tố tụng.

Thứ hai, về mức độ mở rộng phạm vi các lĩnh vực giám định được xã hội hoá

Phạm vi lĩnh vực được phép tham gia giám định đã được mở rộng sang nhiều chuyên ngành như: tài chính, ngân hàng, xây dựng, tài nguyên môi trường, nông nghiệp, thông tin truyền thông, sở hữu trí tuệ hay cổ vật, di vật (khoản 2 Điều 20 Luật GĐTP năm 2025). Đồng thời, pháp luật cũng cho phép thành lập văn phòng GĐTP trong một số lĩnh vực ngoài công lập nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của hoạt động tố tụng và đời sống xã hội (Mục 3 Chương III Luật GĐTP năm 2025 quy định chi tiết về quyền, nghĩa vụ của văn phòng GĐTP). Điều này cho thấy Nhà nước đã từng bước thừa nhận khả năng tham gia của khu vực ngoài công lập trong các hoạt động giám định mang tính chuyên môn cao. Tuy nhiên, đối với các lĩnh vực có tính nhạy cảm hoặc chuyên môn cao như ADN, dữ liệu điện tử, kĩ thuật số hay tài liệu trong tố tụng hình sự, pháp luật vẫn đặt ra nhiều giới hạn đối với khu vực ngoài công lập (khoản 3 Điều 20 Luật GĐTP năm 2025).

Thứ ba, về mức độ mở và linh hoạt của cơ chế công nhận chủ thể giám định

Việt Nam hiện áp dụng cơ chế bổ nhiệm giám định viên tư pháp (các điều 10, 11 Luật GĐTP năm 2025) và công nhận người GĐTP theo vụ việc thông qua các điều kiện pháp lí tương đối chặt chẽ về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và thời gian công tác (các điều 13, 14 Luật GĐTP năm 2025). Việc quản lí theo cơ chế danh sách giúp Nhà nước dễ dàng kiểm soát chất lượng chuyên môn cũng như trách nhiệm của người thực hiện giám định. Tuy nhiên, pháp luật cũng đã có sự linh hoạt nhất định khi cho phép công nhận người giám định theo vụ việc đối với người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kĩ năng chuyên môn phù hợp với lĩnh vực cần giám định (khoản 4 Điều 14 Luật GĐTP năm 2025). Ngoài ra, trong trường hợp đặc biệt, cơ quan tiến hành tố tụng vẫn có thể trưng cầu người ngoài danh sách để thực hiện giám định nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Điều này cho thấy nỗ lực của Việt Nam trong việc thực hiện chủ trương xã hội hoá của Đảng và Nhà nước.

Thứ tư, về mức độ huy động và đa dạng hoá nguồn lực xã hội cho hoạt động GĐTP

Pháp luật Việt Nam đã từng bước tạo cơ sở pháp lí để huy động các nguồn lực xã hội phục vụ hoạt động GĐTP thông qua cơ chế người GĐTP theo vụ việc, tổ chức GĐTP theo vụ việc và văn phòng GĐTP. Thông qua các cơ chế này, cơ quan tiến hành tố tụng có thể khai thác nguồn chuyên gia, tri thức và kinh nghiệm thực tiễn từ các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp và các cá nhân có năng lực chuyên môn phù hợp. Đây là cơ sở quan trọng để bổ sung nguồn nhân lực chuyên môn cho hệ thống GĐTP, đặc biệt trong những lĩnh vực chuyên ngành mà

dap-ung-yeu-cau-thuc-tien-cua-hoat-dong-to-tung-7616.html, truy cập 04/5/2026.

các tổ chức giám định công lập chưa có đầy đủ điều kiện về nhân lực hoặc chuyên môn sâu.

Tuy nhiên, mức độ huy động nguồn lực xã hội trong hoạt động GĐTP tại Việt Nam hiện vẫn còn tương đối hạn chế. Trên thực tế, hoạt động giám định vẫn chủ yếu được thực hiện bởi các tổ chức giám định công lập, sự tham gia của các tổ chức, cá nhân ngoài công lập chủ yếu mang tính hỗ trợ hoặc theo từng vụ việc cụ thể. Bên cạnh đó, cơ chế tài chính cho hoạt động GĐTP hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước và kinh phí tố tụng, trong khi chưa hình thành được cơ chế đủ hấp dẫn để thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu hoặc cơ sở khoa học-công nghệ đầu tư vào lĩnh vực này.

Thứ năm, về mức độ đa dạng hoá hoạt động cung cấp dịch vụ giám định dưới cơ chế quản lí, kiểm soát của Nhà nước

Mặc dù pháp luật đã ghi nhận sự tham gia của khu vực ngoài công lập, nhưng hệ thống giám định công lập hiện vẫn giữ vai trò trung tâm trong hoạt động GĐTP tại Việt Nam. Số lượng văn phòng GĐTP còn tương đối hạn chế, đến thời điểm hiện nay, mới có 02 văn phòng GĐTP về tài chính được thành lập (01 văn phòng ở Thành phố Hồ Chí Minh thành lập năm 2013 hiện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động và 01 văn phòng GĐTP về tài chính được thành lập tại tỉnh Cà Mau vào tháng 10/2024)[44]. Điều này cho thấy mức độ cạnh tranh giữa khu vực công và tư trong cung cấp dịch vụ giám định vẫn chưa cao, chưa tạo ra động lực mạnh mẽ để nâng cao chất lượng chuyên môn, đầu tư công nghệ và đa dạng hoá dịch vụ giám định. Bên cạnh đó, hoạt động giám định ngoài công lập hiện chủ yếu được thực hiện dưới hình thức hỗ trợ hoặc theo vụ việc, chưa hình thành được hệ thống dịch vụ giám định đa dạng với sự tham gia thường xuyên và ổn định của nhiều loại hình tổ chức chuyên môn như tại một số quốc gia có mức độ xã hội hoá cao.

Có thể thấy, việc đa dạng hoá hoạt động cung cấp dịch vụ GĐTP tại Việt Nam đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Trước hết, việc cho phép các tổ chức, cá nhân ngoài khu vực công tham gia hoạt động giám định góp phần khai thác nguồn lực chuyên môn đa dạng trong xã hội, nhất là ở các lĩnh vực chuyên sâu mà cơ quan nhà nước chưa có nhiều lợi thế về công nghệ hoặc nhân lực. Đặc biệt, quy định về người GĐTP theo vụ việc cho phép huy động các chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn cao tham gia giám định, kể cả trong trường hợp họ không thuộc hệ thống giám định viên được bổ nhiệm thường xuyên. Bên cạnh đó, cơ chế công nhận tổ chức và cá nhân giám định theo vụ việc cũng tạo điều kiện để huy động các nguồn lực tri thức, kinh nghiệm và chuyên môn từ các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và các tổ chức chuyên môn trong xã hội phục vụ hoạt động tố tụng.

Tuy nhiên, mặc dù pháp luật đã mở rộng chủ thể tham gia hoạt động giám định ngoài khu vực công lập nhưng số lượng tổ chức và cá nhân ngoài công lập tham gia trên thực tế vẫn chưa nhiều, chưa hình thành được môi trường cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng chuyên môn và công nghệ[45]. Điều này cho

[44] Lã Thị Vân Anh (2025), tlđd.

[45] Trương Thiện Tâm (2025), "Hoàn thiện quy định

thấy hoạt động GĐTP vẫn phụ thuộc phần lớn vào các tổ chức GĐTP công lập. Một số quy định hiện hành chưa đủ linh hoạt để thu hút các chuyên gia đầu ngành, doanh nghiệp công nghệ cao hoặc các tổ chức nghiên cứu chuyên sâu tham gia hoạt động GĐTP, dẫn đến việc xã hội hoá trong lĩnh vực này vẫn chủ yếu mang tính hỗ trợ cho hệ thống công lập hơn là tạo ra một cơ chế cạnh tranh thực sự.

Nhìn chung, Việt Nam đã bước đầu hình thành các yếu tố của mô hình xã hội hoá GĐTP thông qua việc mở rộng chủ thể tham gia, mở rộng một số lĩnh vực giám định, thiết lập cơ chế công nhận người giám định theo vụ việc và huy động một phần nguồn lực xã hội vào hoạt động giám định. Tuy nhiên, mức độ xã hội hoá hiện nay vẫn còn tương đối hạn chế và chưa hình thành được một thị trường dịch vụ giám định đa dạng, cạnh tranh như tại Úc. Điều này xuất phát từ đặc thù của hoạt động GĐTP ở nước ta là hoạt động có liên quan trực tiếp đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án và giá trị chứng cứ trong tố tụng, nên Nhà nước vẫn duy trì cơ chế quản lí tập trung nhằm bảo đảm tính khách quan, chính xác và thống nhất của kết luận giám định. Đồng thời, nhiều lĩnh vực giám định đòi hỏi chi phí đầu tư lớn về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực chất lượng cao, trong khi nhu cầu thị trường chưa đủ lớn để tạo động lực cho khu vực ngoài nhà nước tham gia rộng rãi. Vì vậy, mô hình GĐTP tại Việt Nam hiện nay vẫn mang đậm tính công vụ, với vai trò chủ đạo của các tổ chức giám định công lập, trong khi xã hội hoá chủ yếu đóng vai trò hỗ trợ và bổ sung nguồn lực cho hệ thống hiện hành.

5. Kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm về mô hình xã hội hoá trong GĐTP tại Úc và đối chiếu, phân tích những ưu điểm, hạn chế của pháp luật Việt Nam hiện hành như đã đề cập ở trên, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tính xã hội hoá trong mô hình tổ chức GĐTP tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, về mức độ mở rộng sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước vào hoạt động GĐTP

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã cho phép người GĐTP theo vụ việc, tổ chức GĐTP theo vụ việc và văn phòng GĐTP tham gia hoạt động giám định song trên thực tế hệ thống giám định công lập vẫn giữ vai trò áp đảo. Số lượng tổ chức giám định ngoài công lập còn rất hạn chế, đặc biệt gần như chưa hình thành các tổ chức giám định chuyên nghiệp hoạt động độc lập như tại Úc. Kinh nghiệm của Úc cho thấy hoạt động GĐTP có thể được thực hiện bởi nhiều chủ thể khác nhau như doanh nghiệp tư nhân, viện nghiên cứu, trường đại học, hội nghề nghiệp và chuyên gia độc lập, miễn là đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn và chịu sự kiểm soát của hệ thống tư pháp.

Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục mở rộng khả năng tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước vào hoạt động GĐTP theo hướng chuyển từ tư duy quản lí dựa trên loại hình tổ chức sang quản lí dựa trên năng lực chuyên môn và chất lượng hoạt động. Theo đó, pháp luật có thể bổ sung cơ chế công nhận đối với

của pháp luật về giám định tư pháp trong giai đoạn hiện nay", *Tạp chí điện tử Chính trị và phát triển,* https://chinhtrivaphattrien.vn/hoan-thien-quy-dinh-cua-phap-luat-ve-giam-dinh-tu-phap-trong-giai-doan-hien-nay-a9577.html, truy cập 06/6/2026.

các phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu, trung tâm khoa học-công nghệ, trường đại học hoặc doanh nghiệp có đủ điều kiện chuyên môn để tham gia thực hiện một số hoạt động GĐTP.

Giải pháp này có tính khả thi tương đối cao vì không làm thay đổi vai trò quản lí của Nhà nước mà chủ yếu mở rộng phạm vi chủ thể được phép tham gia. Thực tiễn Việt Nam cho thấy việc huy động nguồn lực khoa học, công nghệ và chuyên môn sâu từ các cơ sở ngoài hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện trong một số lĩnh vực có yêu cầu kĩ thuật cao. Tiêu biểu là Trung tâm Giám định ADN thuộc Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã được giao thực hiện phân tích ADN để xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; từ năm 2013, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam là một trong ba đơn vị chủ chốt được giao nhiệm vụ phân tích ADN trong Đề án 150 của Thủ tướng Chính phủ. Đến năm 2019, Trung tâm Giám định ADN được đầu tư nâng cấp và chính thức đi vào hoạt động, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ giám định ADN phục vụ xác định danh tính hài cốt liệt sĩ[46]. Thực tiễn này cho thấy các cơ sở nghiên cứu khoa học có năng lực chuyên môn và công nghệ chuyên sâu có thể được huy động để thực hiện những nhiệm vụ giám định có yêu cầu cao về kĩ thuật. Đây là cơ sở thực tiễn để xem xét mở rộng sự tham gia của các trung tâm khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học hoặc doanh nghiệp có đủ năng lực chuyên môn vào hoạt động GĐTP. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất là tâm lí thận trọng đối với các hoạt động liên quan trực tiếp đến chứng cứ tố tụng và nguy cơ xuất hiện các tổ chức giám định có chất lượng không đồng đều. Do đó, lộ trình phù hợp là trước mắt thí điểm tại các lĩnh vực có tính kĩ thuật cao nhưng ít liên quan đến an ninh quốc gia như sở hữu trí tuệ, xây dựng, môi trường, công nghệ thông tin hoặc tài chính trước khi mở rộng sang các lĩnh vực khác.

Thứ hai, về mức độ mở rộng phạm vi các lĩnh vực giám định được xã hội hoá

Hiện nay, xã hội hoá trong hoạt động GĐTP tại Việt Nam chủ yếu tập trung ở một số lĩnh vực chuyên ngành như tài chính, xây dựng, tài nguyên môi trường hoặc sở hữu trí tuệ. Trong khi đó, nhiều lĩnh vực có nhu cầu giám định ngày càng gia tăng như ADN, dữ liệu điện tử, kĩ thuật số hoặc công nghệ cao vẫn chủ yếu do các cơ quan công lập thực hiện.

Kinh nghiệm của Úc cho thấy Nhà nước không nhất thiết phải trực tiếp thực hiện toàn bộ hoạt động giám định trong các lĩnh vực này mà có thể cho phép khu vực ngoài nhà nước tham gia trên cơ sở áp dụng các tiêu chuẩn kĩ thuật, quy trình chuyên môn và cơ chế kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. Vì vậy, Việt Nam cần chuyển dần từ mô hình hạn chế chủ thể tham gia sang mô hình quản lí dựa trên tiêu chuẩn chất lượng. Tuy nhiên, việc mở rộng này cần được thực hiện thận trọng do nhiều lĩnh vực giám định liên quan trực tiếp đến quyền con người, trách nhiệm

[46] Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2019), *Trung tâm giám định ADN thuộc Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam chính thức đi vào hoạt động*, https://vast.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/trung-tam-giam-%C4%91inh-adn-thuoc-vien-cong-nghe-sinh-hoc-vien-han-lam-khoa-hoc-va-cong-nghe-viet-nam-chinh-thuc-%C4%91i-vao-hoat-%C4%91ong-5608-428.html, truy cập 06/6/2026.

hình sự và an ninh, trật tự xã hội. Do đó, lộ trình phù hợp là phân nhóm lĩnh vực giám định. Đối với các lĩnh vực có tính thương mại, kĩ thuật hoặc công nghệ cao, có thể đẩy mạnh xã hội hoá. Đối với các lĩnh vực đặc biệt nhạy cảm như pháp y, pháp y tâm thần hoặc kĩ thuật hình sự, Nhà nước vẫn nên giữ vai trò chủ đạo nhưng có thể từng bước mở rộng sự tham gia của các cơ sở ngoài công lập trong các hoạt động hỗ trợ hoặc giám định bổ sung.

Thứ ba, về mức độ mở và linh hoạt của cơ chế công nhận chủ thể giám định, mức độ huy động và đa dạng hoá nguồn lực xã hội cho hoạt động GĐTP và mức độ đa dạng hoá hoạt động cung cấp dịch vụ giám định dưới cơ chế quản lí, kiểm soát của Nhà nước

Một trong những điểm khác biệt cơ bản giữa Việt Nam và Úc là Úc áp dụng cơ chế công nhận dựa chủ yếu trên năng lực chuyên môn, trong khi Việt Nam vẫn thiên về cơ chế hành chính thông qua bổ nhiệm, công nhận và quản lí theo danh sách. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế công nhận người giám định và tổ chức giám định theo hướng linh hoạt hơn, cho phép các chủ thể có năng lực chuyên môn thực chất được tham gia hoạt động giám định mà không phụ thuộc quá nhiều vào vị trí công tác hoặc loại hình tổ chức. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn và kiến thức pháp lí thường xuyên nhằm bảo đảm chất lượng của đội ngũ giám định viên.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội phục vụ hoạt động GĐTP thông qua việc khuyến khích các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp khoa học-công nghệ và các tổ chức nghề nghiệp đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực phục vụ giám định. Nhà nước có thể nghiên cứu cơ chế hỗ trợ ban đầu về tài chính, thuế hoặc tiếp cận cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm tạo động lực cho các chủ thể ngoài nhà nước tham gia.

Để hình thành môi trường cạnh tranh lành mạnh tương tự mô hình của Úc, Việt Nam cần phát triển đa dạng các loại hình cung cấp dịch vụ giám định, đồng thời phải tăng cường cơ chế kiểm soát chất lượng. Trọng tâm không phải là mở rộng số lượng chủ thể bằng mọi giá mà là xây dựng hệ thống tiêu chuẩn nghề nghiệp thống nhất, cơ chế kiểm định độc lập, quy tắc đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm pháp lí rõ ràng đối với hoạt động giám định, tương tự như các tiêu chuẩn kiểm định tương đương với các cơ sở công lập, điển hình là chứng nhận ISO/IEC 17025 hay hệ thống quy tắc ứng xử nghề nghiệp áp dụng cho các chuyên gia tham gia tố tụng tại Úc. Chỉ khi bảo đảm được chất lượng và tính khách quan của kết luận giám định thì việc mở rộng xã hội hoá mới có thể được thực hiện bền vững.

Các giải pháp này có tính khả thi trong trung và dài hạn song đòi hỏi phải sửa đổi Luật GĐTP, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kĩ thuật quốc gia và nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước. Vì vậy, lộ trình phù hợp là thực hiện theo từng giai đoạn: giai đoạn đầu tập trung hoàn thiện khung pháp lí và tiêu chuẩn chất lượng; giai đoạn tiếp theo mở rộng thí điểm ở một số lĩnh vực; giai đoạn dài hạn từng bước hình thành thị trường dịch vụ giám định đa dạng, cạnh tranh nhưng vẫn đặt dưới sự quản lí và kiểm soát hiệu quả của Nhà nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Committee on Identifying the Needs of the Forensic Sciences Community, National Research Council (2009), *Strengthening Forensic Science in the United States: A Path Forward*, The National Academies Press, Washington, D.C.
2. Edmond, G. (2012), "Is Reliability Sufficient? The Law Commission and Expert Evidence in International and Interdisciplinary Perspective", *The International Journal of Evidence & Proof*, 16(1).
3. Harrison G. Gough (1994), "Theory, Development, and Interpretation of the CPI Socialization Scale", *Psychological Reports*, 75 (Monograph Supplement 1-V75).
4. Heavey, A. L., Houck, M. M., GR, Turbett., & Lewis, S. W. (2025). "Quality issue management and disclosure in forensic science: A survey of practice and perceptions", *Journal of Forensic Sciences*, 70.
5. Jemmy T. Bouzin, Thais Lópes, Anna L. Heavey, Jessie Parrish, Georgina Sauz ier, Simon W. Lewis (2023), "Mind the gap: The challenges of sustainable forensic science service provision", *Forensic Science International: Synergy*, Vol. 6.
6. Lã Thị Vân Anh (2025), "Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của người giám định tư pháp và tổ chức giám định tư pháp đáp ứng yêu cầu thực tiễn của hoạt động tố tụng", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số kì 2 (435), https://danchuphapluat.vn/giai-phap-nang-cao-chat-luong-hoat-dong-cua-nguoi-giam-dinh-tu-phap-va-to-chuc-giam-dinh-tu-phap-dap-ung-yeu-cau-thuc-tien-cua-hoat-dong-to-tung-7616.html
7. McAndrew, W. P. (2012). "Is Privatization Inevitable for Forensic Science Laboratories?", *Forensic Science Policy & Management: An International Journal*, 3(1).
8. Tạ Đình Tuyên (2019), "Mô hình tổ chức giám định tư pháp ở một số quốc gia trên thế giới", *Tạp chí Toà án nhân dân điện tử*, https://tapchitoaan.vn/mo-hinh-to-chuc-giam-dinh-tu-phap-o-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi
9. Tess M. S. Neal, Stanley L. Brodsky (2014), Occupational Socialization's Role in Forensic Psychologists' Objectivity, *Journal of Forensic Psychology Practice*, Vol. 14, No. 1.
10. Trần Mạnh Đạt (chủ nhiệm) (2010), *Xã hội hoá hoạt động giám định tư pháp đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học Pháp lí, Bộ Tư pháp.
11. Trương Thiện Tâm (2025), "Hoàn thiện quy định của pháp luật về giám định tư pháp trong giai đoạn hiện nay", *Tạp chí điện tử Chính trị và phát triển*, https://chinhtrivaphattrien.vn/hoan-thien-quy-dinh-cua-phap-luat-ve-giam-dinh-tu-phap-trong-giai-doan-hien-nay-a9577.html
12. Vázquez, C. (2022), "From Institutional to Epistemic Authority: Rethinking Court-Appointed Experts", In *Evidential Legal Reasoning*, Cambridge University Press.
13. Verkerk, R. R. (2009), "Comparative Aspects of Expert Evidence in Civil Litigation", *The International Journal of Evidence & Proof*, 13(3).